

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 74/2021/DS-ST

Ngày: 20-12-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 804/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1151/2021/QĐST-DS ngày 03/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 13/11/2020): Ông Nguyễn Đại B, sinh năm 1997; địa chỉ: Xã Phong Anh, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế và bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Hòa Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Phường X, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Ông Nguyễn Đại B trình bày:

Ông Nguyễn Văn P và bà Trương Thị H là bạn bè làm ăn. Khoảng tháng 04/2019, bà H có hỏi vay của ông P một số tiền để làm ăn, kinh doanh và chi tiêu cho gia đình nên ông P đã đồng ý.

Ngày 12/4/2019, tại Văn phòng công chứng Trần Thanh Vũ, ông P ký cho bà H vay số tiền là: 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay số công chứng: 004838, quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD.

Theo nội dung của Hợp đồng vay ngày 12/4/2019, số tiền ông P cho bà H vay là: 800.000.000 đồng; thời hạn vay: 03 tháng, kể từ ngày 12/4/2019 đến ngày 12/7/2019; lãi suất vay: Do hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 1%/tháng; tiền lãi được thanh toán theo định kỳ hàng tháng, vào ngày 05 dương lịch; Tiền gốc trả 01 lần vào cuối thời hạn vay.

Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng, bà H không trả lãi hàng tháng cho ông P theo như thỏa thuận và khi đến hạn trả tiền gốc, bà H cũng cố tình trốn tránh trách nhiệm trả nợ đối với ông P.

Nhận thấy, hành vi trên của bà Trương Thị H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên vay, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn P. Nay, ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể như sau:

- Buộc bà Trương Thị H trả số tiền đã vay là: 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

- Buộc bà Trương Thị H thanh toán cho ông P số tiền lãi trên nợ gốc trong thời hạn vay kể từ ngày 12/4/2019 đến ngày 12/7/2019 với mức lãi suất 1%/tháng, tạm tính là: 3 tháng x 1% x 800.000.000 đồng = 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

- Buộc bà Trương Thị H thanh toán cho ông P số tiền lãi nợ gốc quá hạn từ ngày 12/07/2019 đến ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay theo Hợp đồng vay ngày 12/4/2019. Số tiền lãi tạm tính từ ngày 12/7/2019 đến ngày 20/12/2021 là: 800.000.000 x 150% x 1% x 29 tháng = 348.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Tổng số tiền mà ông P yêu cầu bà Trương Thị H thanh toán là: 1.172.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Tuy nhiên, ngày 19/12/2021, người đại diện theo ủy quyền của ông P là ông Nguyễn Đại B có đơn thay đổi, rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện. Nay ông P yêu cầu cụ thể như sau:

- Buộc bà Trương Thị H trả số tiền đã vay là: 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

- Buộc bà Trương Thị H thanh toán cho ông P số tiền lãi trên nợ gốc trong thời hạn vay kể từ ngày 12/4/2019 đến ngày xét xử 20/12/2021 với mức lãi suất 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm) là: 32 tháng x 0,83% x 800.000.000 đồng = 212.480.000 đồng (Hai trăm mười hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Bị đơn – Bà Trương Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà H vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định pháp luật; Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Hồ sơ vụ án thể hiện, bà H có vay ông P số tiền 800.000.000 đồng, việc vay tiền được lập thành hợp đồng và công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Thanh Vũ, theo Hợp đồng vay số công chứng: 004838, quyển số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/4/2019. Hai bên không thỏa thuận rõ ràng về lãi suất trong hợp đồng. Bà H không đến Tòa án làm việc, không có lời khai tại Tòa. Trước ngày Tòa án mở phiên tòa, nguyên đơn đã thay đổi, rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất. Xét thấy, việc ông P khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền nợ gốc và yêu cầu thanh toán lãi suất là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc bà H phải trả cho ông P số tiền gốc còn nợ là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là bà Trương Thị H hiện cư trú tại địa bàn thành phố Biên Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông Nguyễn Đại B và bà Nguyễn Thị Bích L có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Trương Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với phần nợ gốc:

Theo hồ sơ thể hiện, ngày 12/4/2019, tại Văn phòng công chứng Trần Thanh Vũ, ông P cho bà H vay số tiền là: 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay số công chứng: 004838, quyển số 11 TP/CC-SCC/HĐGD; thời hạn vay: 03 tháng, kể từ ngày 12/4/2019 đến ngày 12/7/2019; hợp đồng không thể hiện có phần thỏa thuận rõ ràng về lãi suất vay.

Bà Trương Thị H đã được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, Tòa án cũng đã ra Thông báo yêu cầu bà H cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc vay

nợ nhưng bà H không đến Tòa án làm việc và cũng không đến tham gia phiên tòa nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, việc bà H vay của ông P số tiền 800.000.000 đồng, nguyên đơn đã cung cấp được hợp đồng vay được Văn phòng Công chứng Trần Thanh Vũ công chứng. Do đó, có cơ sở để cho rằng, việc vay nợ là có thật và cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc bà Trương Thị H trả cho ông P số tiền 800.000.000 đồng.

[3.2] Đối với khoản tiền lãi:

Ông P trình bày lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 1%/tháng; tiền lãi được thanh toán theo định kỳ hàng tháng, vào ngày 05 dương lịch hàng tháng. Tuy nhiên, hợp đồng vay không thể hiện phần thỏa thuận lãi suất cụ thể là bao nhiêu; bà H không đến Tòa án làm việc, không có lời khai thừa nhận nên việc ông P cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất 1% là không có cơ sở.

Ngày 19/12/2021, nguyên đơn thay đổi, rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất, cụ thể nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay 12/4/2019 đến ngày Tòa án xét xử 20/12/2021 là: $800.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 32 \text{ tháng} = 212.480.000 \text{ đồng}$ (Hai trăm mười hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Xét thấy, việc yêu cầu tính lãi suất của ông P là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp vay không rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì người vay phải chịu mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 tức 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Theo đó, khoản tiền lãi bà H phải trả cho ông P theo Hợp đồng vay số công chứng: 004838, quyển số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/4/2019 là: $800.000.000 \times 0,83\%/\text{tháng} \times 32 \text{ tháng} = 212.480.000 \text{ đồng}$ (Hai trăm mười hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bà H phải trả cho ông P là: $800.000.000 \text{ đồng} + 212.480.000 \text{ đồng} = 1.012.480.000 \text{ đồng}$ (Một tỷ không trăm mười hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị H phải chịu 42.374.400 đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 39, 203, 205, 207, 227, 228, Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

Buộc bà Trương Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 1.012.480.000 đồng (Một tỷ không trăm mười hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi là 212.480.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị H phải chịu 42.374.400 đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 22.020.000 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007615 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự (3);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

Nguyễn Thị Hồng Duyên